

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 6 - 2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 116/2023/HNGĐ-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thúy Q; sinh năm 2001. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B ấp F, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc S; sinh năm 1999. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 trình bày: Chị và bị đơn anh Nguyễn Ngọc S chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Chị Q1 và anh S chung sống với nhau đến năm 2022 ly thân cho đến hôm nay. Lý do ly thân do vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Chị Trần Thị Thúy Q1 và anh anh Nguyễn Ngọc S có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Yến V (nữ); sinh ngày 12/8/2021. Hiện nay con chung đang sống chung với chị Q1. Chị Q1 yêu cầu được nuôi cháu V đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn vắng mặt, không tham gia tố tụng từ khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm nên không có lời khai.

Tại Bản án sơ thẩm số 116/2023/HNGĐ-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn. Chị Trần Thị Thúy Q1 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Chị Trần Thị Thúy Q1 được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Yến V (giới tính nữ), sinh ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Ngọc S, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Yến V (giới tính nữ), sinh ngày 12 tháng 8 năm 2021, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Tại đơn kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Ngọc S cho rằng chị Trần Thị Thúy Q1 đã bỏ cháu Nguyễn Thị Yến V ra đi từ khi cháu 12 tháng tuổi đến nay không liên

lạc, hiện cháu V đang sống chung với anh tại Đồng Nai. Anh S có thu nhập ổn định 15.000.000đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về tranh chấp quyền nuôi con với nguyên đơn. Bị đơn nộp tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng lao động; Xác nhận thu nhập; Đơn xin xác nhận cháu Nguyễn Thị Yến V đang học Trường M, tại ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị đơn kháng cáo tranh chấp quyền nuôi con là có cơ sở. Bởi vì, thực tế cháu Nguyễn Thị yến V1 đã được bị đơn là anh Nguyễn Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân cho đến nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Yến V cho anh Nguyễn Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” là chưa đầy đủ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S có đăng ký thường trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang, Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về xét xử vắng mặt bị đơn và tổng đạt các văn bản tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt của bị đơn, thông qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng đến mẹ của bị đơn là bà Nguyễn Thị C là chưa phù hợp. Bởi lẽ, chưa có biên bản xác minh nguyên nhân bị đơn vắng mặt nơi cư trú, để tổng đạt các văn bản tố tụng qua người thân của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có khiếu nại về thủ tục tổng đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc Tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn vào ngày 05 tháng 7 năm 2023 nhưng đến ngày 08 tháng 11 năm 2023 mới tổng đạt Bản án sơ thẩm số 116/2023/HNGĐ-ST đến bà Nguyễn Thị C mẹ của bị đơn. Như vậy, đến gần 04 tháng bị đơn mới nhận được bản án và thực hiện quyền kháng cáo là vi phạm về thời hạn cấp tổng đạt bản án được quy định tại Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn nhận bản án sơ thẩm vào ngày 08 tháng 11 năm 2023, bị đơn kháng cáo vào ngày 20 tháng 11 năm 2023 còn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản án sơ thẩm. Xét về lỗi tổng đạt chậm bản án sơ thẩm đến đương sự là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Yến V (giới tính nữ), sinh ngày 12 tháng 8 năm 2021.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S xác định nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 đã bỏ đi, khi cháu Nguyễn Thị Yến V chỉ mới hơn 12 tháng tuổi. Anh Nguyễn Ngọc S và gia đình là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến nay.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân con chung là cháu V được nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quyết định cho nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 tiếp tục nuôi cháu V là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu V cho chị Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là chủ quan, thiếu thực tế xác minh về điều kiện sống của cháu V để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu V.

Thời điểm nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 khởi kiện ly hôn và tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con, cháu Nguyễn Thị Yến V dưới 36 tháng tuổi, cháu V đang

được cha và gia đình bên nội trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để quyết định giao cháu V cho chị Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là chưa đảm bảo về ổn định môi trường sống, và điều kiện để cháu V được phát triển về tinh thần và thể chất. Bởi chị Q1 đã rời bỏ cháu V ra đi khi cháu mới hơn 12 tháng tuổi đến nay cháu đã gần 03 tuổi, cháu đã quen với môi trường sống bên cạnh cha và bà nội là bà Nguyễn Thị C. Nếu giao cháu V cho chị Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn diện quyền lợi của cháu V, cần thiết ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu Nguyễn Thị Yến V, quyết định giao cháu cho cha là anh Nguyễn Ngọc S được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chưa xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh S chưa có yêu cầu.

Giải thích quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho các đương sự trong vụ án được rõ về quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn:

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc S, tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Yến V cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Ngọc S. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1, không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Yến V (giới tính nữ); sinh ngày 12 tháng 8 năm 2021 cho anh Nguyễn Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Trần Thị Thúy Q1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000923 ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành tiền án.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

H lại cho bị đơn anh Nguyễn Ngọc S 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000208 ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp.

5. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phụng